

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường  
Dự án Bãi xử lý rác tạm thời tại xã Canh Hiệp  
của Ủy ban nhân dân huyện Vân Canh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án Bãi xử lý rác tạm thời tại xã Canh Hiệp tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM ngày 10/7/2020;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Bãi xử lý rác tạm thời tại xã Canh Hiệp đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 2258/UBND ngày 03/11/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Vân Canh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1107/TTr-STNMT ngày 25/11/2020.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung Báo cáo ĐTM Dự án Bãi xử lý rác tạm thời tại xã Canh Hiệp của Ủy ban nhân dân huyện Vân Canh (sau đây gọi là Dự án) thực hiện tại xã Canh Hiệp, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm

a) Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Canh Hiệp theo quy định pháp luật.

b) Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

c) Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải của dự án về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

d) Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

đ) Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố, rủi ro môi trường trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của dự án; bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường.

e) Trong thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM nếu dự án không được triển khai, Chủ dự án phải lập lại báo cáo ĐTM theo quy định pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

**Điều 4.** Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Quyết định này.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Vân Canh;
- UBND xã Canh Hiệp;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, K10

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**CỦA DỰ ÁN BÃI XỬ LÝ RÁC TẠM THỜI TẠI XÃ CANH HIỆP**  
(Kèm theo Quyết định số 5277/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh)



**1. Thông tin về dự án**

1.1. Tên dự án: Bãi xử lý rác tạm thời tại xã Canh Hiệp.

1.2. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Vân Canh.

1.3. Địa chỉ trụ sở: thôn Thịnh Văn 2, thị trấn Vân Canh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định.

1.4. Phạm vi, quy mô dự án: dự án được đầu tư xây dựng trên khu đất có diện tích 3,25 ha; công suất thiết kế trung bình: 7,1 tấn/ngày.đêm.

1.5. Các hạng mục công trình chính của Dự án: 1 ô chôn lấp chất thải sinh hoạt (ô A1); khu điều hành (nhà bảo vệ, bể cấp nước sạch, cầu cân, cầu rửa xe); hệ thống thu gom thoát nước mưa, nước thải; hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m<sup>3</sup>/ngày đêm; diện tích cây xanh 8.500 m<sup>2</sup>.

**2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án**

**2.1. Các tác động môi trường chính của dự án**

- Giai đoạn thi công: nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại, bụi và khí thải.

- Giai đoạn hoạt động: nước rỉ rác, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ quá trình giao thông; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải.

**2.2. Quy mô, tính chất của nước thải**

- Giai đoạn thi công: nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 3,6m<sup>3</sup>/ngày, nước thải xây dựng khoảng 1-2 m<sup>3</sup>/ngày.

- Giai đoạn hoạt động: nước rỉ rác phát sinh từ ô chôn lấp khoảng 27,93 m<sup>3</sup>/ngày.

Tính chất: nước rỉ rác có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ cao; nước thải từ quá trình xây dựng có hàm lượng chất thải rắn lơ lửng cao.

**2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải**

- Giai đoạn thi công: bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ quá trình đào đắp, san lấp mặt bằng, vận chuyển nguyên vật liệu, quá trình thi công.

- Giai đoạn hoạt động: bụi, khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào dự án; khí gas phát sinh từ ô chôn lấp.

- Tính chất của bụi, khí thải: ở trạng thái rắn, khí.

**2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn (CTR) thông thường**

- Giai đoạn thi công: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân khoảng 14 kg/ngày; đất thừa từ hoạt động đào ô chôn lấp khoảng 2.570 m<sup>3</sup>; đất bốc phong hóa khoảng 1000 m<sup>3</sup>.

- Tính chất: CTR sinh hoạt có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy gây ruồi, muỗi, mùi hôi.

### 2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH)

- Giai đoạn thi công: dầu nhớt thải phát sinh khoảng 30 lít; giẻ lau nhiễm dầu thải, dụng cụ đựng dầu nhớt bôi trơn phát sinh khoảng 18 kg.

- Giai đoạn hoạt động: dầu nhớt thải, giẻ lau nhiễm dầu thải, dụng cụ đựng dầu nhớt bôi trơn phát sinh khoảng 32 kg/năm.

Tính chất CTNH: có chứa yếu tố độc hại, dễ cháy, dễ nổ, dễ ăn mòn.

## 3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

### 3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

#### a) Nước mưa chảy tràn

- Giai đoạn thi công: tạo các mương, rãnh thoát nước tạm thời.

- Giai đoạn hoạt động: hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

#### b) Nước thải sinh hoạt

- Giai đoạn thi công: bố trí nhà vệ sinh di động.

- Giai đoạn hoạt động

+ Nước rửa xe được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của bãi rác có công suất 30 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

+ Nước rỉ rác phát sinh được thu gom theo các tuyến ống trong ô chôn lấp về hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, một phần được bơm tưới ẩm cho bề mặt rác của ô chôn lấp, một phần nước thải được xử lý đạt cột B2, QCVN 25:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải của bãi chôn lấp chất thải rắn, nước thải sau xử lý được thải ra suối cạn phía Nam dự án.

+ Sơ đồ công nghệ của hệ thống xử lý nước thải tập trung:

Nước rỉ rác → Bể kỵ khí → Bể tùy tiện → Bể trung gian → Bể hiếu khí SBR → Bãi lọc trồng cây hướng dọc → Bãi lọc trồng cây hướng ngang → Bể trung gian 2 → Cụm phản ứng Fenton → Bể lắng → Nguồn tiếp nhận (đạt cột B2, QCVN 25:2009/BTNMT).

+ Quy trình vận hành: Nước thải được bơm qua các bể của hệ thống xử lý nước thải tập trung; được thiết kế vận hành liên tục.

### 3.2. Về xử lý bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công:

+ Phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu: vệ sinh các phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường; chở đúng tải trọng cho phép trên từng tuyến đường, có bạt phủ kín.

- Giai đoạn hoạt động:

+ Phương tiện vận chuyển rác thải: sử dụng xe cuốn ép kín chuyên dụng, vệ sinh phương tiện xe ra vào bãi chôn lấp.

+ Hệ thống ống thu khí gas: bố trí 04 ống thu khí gas bằng ống nhựa PVC tại ô chôn lấp.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTR thông thường và CTNH

- Giai đoạn thi công:

+ CTR sinh hoạt: bố trí các thùng rác có nắp đậy kín tại khu nghỉ ngơi ăn uống của công nhân.

+ CTNH: bố trí các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy kín tại khu vực lán trại (nền chống thấm, có mái che).

+ Đất thừa: khối lượng đất từ hoạt động đào ô chôn lấp và đất bốc phong hóa hữu cơ được đổ tại vị trí ô A2 và tận dụng làm đất phủ trung gian trong quá trình vận hành các ô chôn lấp A1 (Bãi thải có diện tích 1.741 m<sup>2</sup>, cao 3 m, mái đắp 1,5 m, xung quanh tạo mương thu nước).

- Giai đoạn hoạt động:

+ Chất thải nguy hại: trang bị các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy tại khu điều hành.

Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải và chất thải nguy hại trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng tần suất quy định.

3.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung, an toàn giao thông:

- Giai đoạn xây dựng: sử dụng máy móc, phương tiện thi công đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng phương tiện; thi công trong khoảng thời gian từ 7h - 11h30 và từ 13h30 - 17h.

- Giai đoạn hoạt động: trồng và chăm sóc cây xanh trong khu vực Dự án.

3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Trang bị đầy đủ các thiết bị phòng cháy chữa cháy tại chỗ và thường xuyên kiểm tra, vận hành thử các thiết bị này.

- Thực hiện các quy định về an toàn lao động.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng đường ống cấp thoát nước và hệ thống xử lý nước thải định kỳ; trang bị máy móc dự phòng (máy bơm, máy thổi

khí..) nhằm đảm bảo hệ thống xử lý hoạt động thường xuyên; lập nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải để giám sát.

#### **4. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường chính của dự án**

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải.
- Hệ thống xử lý nước thải 30m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
- 04 ống thu khí gas.
- 01 bãi thải lưu chứa đất thừa có diện tích khoảng 1.741 m<sup>2</sup>.
- Diện tích cây xanh: 8.500 m<sup>2</sup>.

#### **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án**

##### 5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

###### a) Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực thi công dự án (KK2) (Tọa độ: 580.407; 1.508.461).
- Các thông số quan trắc: bụi, tiếng ồn.
- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2016/BTNMT, QCVN 06:2010/BTNMT.
- Tần suất quan trắc: 6 tháng/lần.
- Các bước tiến hành lấy mẫu theo đúng quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

###### b) Giám sát chất thải rắn sinh hoạt

- Vị trí giám sát: khu tập kết rác.
- Giám sát việc thu gom chất thải rắn và chất thải rắn nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom, tình hình thu gom và xử lý.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

##### 5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm

- Vị trí và tần suất giám sát: cụ thể theo nội dung báo cáo ĐTM.
- Thông số quan trắc: lưu lượng, COD, BOD<sub>5</sub>, Tổng Nitơ, Amoni (tính theo Nitơ).
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 25:2009/BTNMT (cột B2) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của bãi chôn lấp chất thải rắn.

Các bước tiến hành lấy mẫu theo đúng quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

##### 5.3. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

###### a) Giám sát nước thải

- Vị trí giám sát: 02 vị trí (01 tại bể kỵ khí và tại hồ đối chứng)

+ Thông số giám sát: lưu lượng, COD, BOD<sub>5</sub>, Tổng Nitơ, Amoni (tính theo Nitơ).

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 25:2009/BTNMT (cột B2) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của bãi chôn lấp chất thải rắn.

- Các bước tiến hành lấy mẫu theo đúng quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

b) Giám sát việc thu gom CTR và CTNH: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom; tần suất giám sát 03 tháng/lần.

c) Giám sát nước ngầm

- Vị trí giám sát: 02 vị trí, tại giếng quan trắc nước ngầm trong Bãi chôn lấp.

- Thông số giám sát, bao gồm: COD, BOD<sub>5</sub>, Tổng Nitơ, Amoni (tính theo Nitơ).

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 09:2008/BTNMT.

- Các bước tiến hành lấy mẫu theo đúng quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

5.4. Giám sát môi trường trong giai đoạn đóng cửa bãi chôn lấp đến khi có quyết định tái sử dụng diện tích đất bãi chôn lấp

a) Giám sát nước thải

- Vị trí giám sát: 02 vị trí (01 tại bể kỵ khí và tại hồ đối chứng).

- Thông số giám sát: lưu lượng, COD, BOD<sub>5</sub>, Tổng Nitơ, Amoni (tính theo Nitơ).

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần trong năm đầu, 01 năm/lần các năm về sau.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 25:2009/BTNMT (cột B2) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của bãi chôn lấp chất thải rắn.

- Các bước tiến hành lấy mẫu theo đúng quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

b) Giám sát nước ngầm

- Vị trí giám sát: 02 vị trí, tại giếng quan trắc nước ngầm trong Bãi chôn lấp.

- Thông số giám sát, bao gồm: COD, BOD<sub>5</sub>, Tổng Nitơ, Amoni (tính theo Nitơ).

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần trong năm đầu, 01 năm/lần các năm về sau - Quy chuẩn so sánh: QCVN 09:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ngầm.

- Các bước tiến hành lấy mẫu theo đúng quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

c) Giám sát không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: 02 vị trí.

+ K1: trong khu vực thực hiện dự án (tọa độ: 579.986; 1.510.117).

+ K2: trong khu vực thực hiện dự án (tọa độ: 579.922; 1.510.289).

- Thông số giám sát: Bụi, NH<sub>3</sub>, H<sub>2</sub>S, CH<sub>4</sub>, SO<sub>2</sub>, CO, NO<sub>2</sub>.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần trong năm đầu, 01 năm/lần các năm về sau.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT.

- Các bước tiến hành lấy mẫu theo đúng quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

Đơn vị quản lý và vận hành dự án có trách nhiệm lập kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ và thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm (bao gồm báo cáo về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, quản lý chất thải nguy hại).